

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019



Tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên
Ông Chen Yu	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên
Ông Lê Minh Diện	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Lê Minh Diện

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Số: 380 /2019/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 và 02/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 để thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” với Công ty TNHH Việt Nhật Hoà Bình. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hoà Bình phải lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2019 Công ty chưa nhận được báo cáo nào về tình hình thực hiện dự án từ Công ty TNHH Việt Nhật Hoà Bình. Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.802.875.420	48.022.351.112
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.063.146.808	744.051.349
Tiền	111		2.063.146.808	744.051.349
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.961.447.173	35.106.633.188
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.028.162.703	6.494.313.685
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.368.577.403	29.034.090.142
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	332.054.750	345.577.044
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(767.457.683)	(767.457.683)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		110.000	110.000
Hàng tồn kho	140	9	13.765.485.018	11.904.082.568
Hàng tồn kho	141		13.765.485.018	11.904.082.568
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.796.421	267.584.007
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	12.495.833	170.300.115
Thuế GTGT được khấu trừ	152		300.588	97.283.892
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.898.985.574	45.127.037.250
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	14.000.000.000	14.000.000.000
Tài sản cố định	220	11	14.280.641.862	16.544.856.480
Tài sản cố định hữu hình	221		14.280.641.862	16.544.856.480
- Nguyên giá	222		22.834.069.665	24.943.550.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.553.427.803)	(8.398.693.766)
Tài sản dở dang dài hạn	240	10	14.341.142.042	14.341.142.042
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.341.142.042	14.341.142.042
Tài sản dài hạn khác	260		277.201.669	241.038.728
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	129.709.228	93.546.287
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		147.492.441	147.492.441
TỔNG TÀI SẢN	270		92.701.860.994	93.149.388.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.393.375.898	15.881.552.551
Nợ ngắn hạn	310		15.253.375.898	15.670.282.605
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.276.897.630	6.868.844.155
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		271.592.300	1.706.822.323
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	936.365.511	1.570.707.130
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.389.788	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.521.450.378	1.520.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	5.242.680.291	4.003.770.369
Nợ dài hạn	330		140.000.000	211.269.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	140.000.000	211.269.946
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	77.308.485.096	77.267.835.812
Vốn chủ sở hữu	410		77.308.485.096	77.267.835.812
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	75.704.440.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.604.045.096	1.563.395.812
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.563.395.812	1.387.286.631
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.649.284	176.109.181
TỔNG NGUỒN VỐN	440		92.701.860.994	93.149.388.362

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Quyên

[Signature]



Nguyễn Thị Quỳnh

Lê Minh Điện

Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	3.649.323.540	24.643.794.890
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.649.323.540	24.643.794.890
Giá vốn hàng bán	11	18	3.572.454.838	23.383.965.044
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.868.702	1.259.829.846
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	260.154.620	42.131.527
Chi phí tài chính	22	20	123.807.700	175.911.142
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>123.807.700</i>	<i>175.911.142</i>
Chi phí bán hàng	25	21	311.264.124	343.680.082
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.373.268.637	106.823.846
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.471.317.139)	675.546.303
Thu nhập khác	31	22	1.769.562.163	-
Chi phí khác	32	23	84.111.665	322.017.006
Lợi nhuận khác	40		1.685.450.498	(322.017.006)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		214.133.359	353.529.297
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	173.484.075	77.424.731
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.649.284	276.104.566
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.649.284	276.104.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	5	39

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Quyên

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Minh Điện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	214.133.359	353.529.297
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.214.881.706	1.631.502.606
Các khoản dự phòng	03	-	(801.616.903)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(1.525.821.708)	317.708.184
Chi phí lãi vay	06	123.807.700	175.911.142
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.001.057	1.677.034.326
Giảm các khoản phải thu	09	1.242.169.319	2.600.746.041
(Tăng) hàng tồn kho	10	(1.861.402.450)	(1.940.146.789)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.091.640.250)	205.910.910
Giảm chi phí trả trước	12	121.641.341	442.152.915
Tiền lãi vay đã trả	14	(119.417.912)	(175.912.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(482.000.000)	(260.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.163.648.895)	2.548.864.815
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(8.220.350)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.315.000.000	458.181.818
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.378	131.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.315.104.378	450.092.995
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	6.959.400.000	3.430.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.791.760.024)	(3.698.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.167.639.976	(268.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.319.095.459	2.730.920.056
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	886.377.556
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	3.617.297.612

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Quyên

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng



Lê Minh Diện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiên Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 10 ngày 03/12/2018, Vốn điều lệ của Công ty là: 75.704.440.000 VNĐ (Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) được chia thành 7.570.444 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 5 người (tại 30 tháng 06 năm 2018 là 12 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...; Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiếu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.3 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/06/2019 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

3.6 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.7 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 BÊN LIÊN QUAN

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.053.835.492	701.059.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.311.316	42.992.341
	2.063.146.808	744.051.349

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	12.495.833	170.300.115
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.495.833	170.300.115
Dài hạn	129.709.228	93.546.287
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	129.709.228	93.546.287
	142.205.061	263.846.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.028.162.703	(767.457.683)	6.494.313.685	(767.457.683)
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	3.629.000.000	-	4.496.400.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	451.100.003	(451.100.003)	451.100.003	(451.100.003)
- Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	(182.964.620)	182.964.620	(182.964.620)
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thương mại Mỹ Phong	208.362.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	556.736.080	(133.393.060)	1.363.849.062	(133.393.060)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	5.028.162.703	(767.457.683)	6.494.313.685	(767.457.683)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	29.368.577.403	-	29.034.090.142	-
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh (1)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	4.085.000.000	-	4.085.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiệp Mơ	139.621.200	-	139.621.200	-
- Công ty TNHH Skylink Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Ông Bùi Văn Tường (2)	6.595.125.000	-	6.450.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Vinh (3)	5.222.713.774	-	5.107.788.532	-
- Trả trước cho người bán khác	326.117.429	-	251.680.410	-
Dài hạn	-	-	-	-
	29.368.577.403	-	29.034.090.142	-

- (1) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Râm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.
- (2) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Bùi Văn Tường nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524980 với diện tích 16.944 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Râm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.
- (3) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/04/2016 giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Nguyễn Văn Vinh tại thửa đất số lô số CH02710 với diện tích 33.317,2 m² tại Xóm Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	332.054.750	-	345.577.044	-
- Tạm ứng	245.735.000	-	240.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	2.319.750	-	-	-
- Nguyễn Thị Liên	63.000.000	-	63.000.000	-
- Phải thu khác	21.000.000	-	42.577.044	-
Dài hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (*)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	14.332.054.750	-	14.345.577.044	-

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hai hợp đồng Hợp tác kinh doanh:

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình; giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 9.000.000.000 đồng;
- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty con - Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 5.000.000.000 đồng;

Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.325.661.629	-	868.411.842	-
Công cụ, dụng cụ	72.000.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9.970.866.252	-	9.970.866.252	-
Thành phẩm	188.412.494	-	526.246.183	-
Hàng hóa	2.208.544.643	-	538.558.291	-
	13.765.485.018	-	11.904.082.568	-

(*) Là chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại Xóm Rút, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01/01/2018.

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	14.341.142.042	14.341.142.042	14.341.142.042	14.341.142.042
- Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tiến Trung Hòa Bình (*)	14.341.142.042	14.341.142.042	14.341.142.042	14.341.142.042
	14.341.142.042	14.341.142.042	14.341.142.042	14.341.142.042

(*) Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đang được Công ty tiếp tục xây dựng cho Công ty con theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2019	15.468.578.429	3.312.848.849	6.162.122.968	24.943.550.246
- Tăng, giảm khác	121.526	(364.000)	242.474	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.036.753.308)	(72.727.273)	-	(2.109.480.581)
30/06/2019	13.431.946.647	3.239.757.576	6.162.365.442	22.834.069.665
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2019	(3.551.058.793)	(2.019.469.002)	(2.828.165.971)	(8.398.693.766)
- Khấu hao trong kỳ	(509.789.532)	(319.092.635)	(385.999.539)	(1.214.881.706)
- Tăng, giảm khác	(7.283.580)	-	7.283.580	-
- Thanh lý, nhượng bán	987.420.396	72.727.273	-	1.060.147.669
30/06/2019	(3.080.711.509)	(2.265.834.364)	(3.206.881.930)	(8.553.427.803)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2019	11.917.519.636	1.293.379.847	3.333.956.997	16.544.856.480
30/06/2019	10.351.235.138	973.923.212	2.955.483.512	14.280.641.862

Tại ngày 30/06/2019:

- Giá trị còn lại của các tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là: 932.346.377 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	7.276.897.630	7.276.897.630	6.868.844.155	6.868.844.155
- Công ty TNHH Thương mại Hà Vinh	2.291.881.075	2.291.881.075	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thịnh Gia Phát	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	716.652.810	716.652.810	716.652.810	716.652.810
- Công ty Oanh Tuyết	546.964.000	546.964.000	546.964.000	546.964.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.721.399.745	1.721.399.745	3.605.227.345	3.605.227.345
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	7.276.897.630	7.276.897.630	6.868.844.155	6.868.844.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NHẬP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	596.229.891	25.753.106	360.000.000	261.982.997
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.025.034	173.484.075	482.000.000	461.509.109
- Thuế thu nhập cá nhân	5.200.000	-	-	5.200.000
- Thuế tài nguyên	21.863.622	-	-	21.863.622
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	70.886.665	-	-	70.886.665
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	106.501.918	8.421.200	-	114.923.118
	1.570.707.130	207.658.381	842.000.000	936.365.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.521.450.378	1.520.138.628
- Kinh phí công đoàn	752.500	-
- Bảo hiểm xã hội	470.250	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	89.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.520.138.628	1.520.138.628
+ <i>Cổ tức phải trả (*)</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>120.138.628</i>	<i>120.138.628</i>
Dài hạn	-	-
	1.521.450.378	1.520.138.628

(*) Theo thông báo số 15691/VSD-ĐK ngày 05/12/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc thay đổi ngày thanh toán cổ tức - mã chứng khoán TTZ. Thông tin điều chỉnh thời gian thực hiện là ngày 30/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2019		01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND		
Vay và nợ ngắn hạn	5.242.680.291	5.242.680.291	6.959.400.000	5.720.490.078	4.003.770.369	4.003.770.369
Vay ngắn hạn	4.879.073.126	4.879.073.126	6.959.400.000	5.510.367.189	3.430.040.315	3.430.040.315
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.000.000	3.430.000.000	3.430.000.000	3.430.040.315	3.430.040.315	3.430.040.315
- Vay cá nhân (2)	1.449.073.126	1.449.073.126	3.529.400.000	2.080.326.874	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	363.607.165	363.607.165	-	210.122.889	573.730.054	573.730.054
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	240.000.000	240.000.000	-	120.000.000	360.000.000	360.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	123.607.165	123.607.165	-	90.122.889	213.730.054	213.730.054
Vay và nợ dài hạn	140.000.000	140.000.000	-	71.269.946	211.269.946	211.269.946
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	140.000.000	140.000.000	-	-	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	-	-	-	71.269.946	71.269.946	71.269.946
Cộng	5.382.680.291	5.382.680.291	6.959.400.000	5.791.760.024	4.215.040.315	4.215.040.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ghi chú:

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 629/2018/HDDTD/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết.
- (2) Các khoản vay cá nhân cá nhân với lãi suất 0%.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tài biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2018	70.000.000.000	8.491.726.631	78.491.726.631
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Lãi trong năm	-	176.109.181	176.109.181
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.563.395.812	77.267.835.812
01/01/2019	75.704.440.000	1.563.395.812	77.267.835.812
- Lãi trong kỳ	-	40.649.284	40.649.284
30/06/2019	75.704.440.000	1.604.045.096	77.308.485.096

16.2 CỔ PHIẾU

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.570.444	7.570.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.570.444	7.570.444
+ Cổ phiếu phổ thông	7.570.444	7.570.444
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.570.444	7.570.444
+ Cổ phiếu phổ thông	7.570.444	7.570.444
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng	3.649.323.540	24.198.782.890
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	445.012.000
	3.649.323.540	24.643.794.890

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng	3.572.454.838	23.265.711.409
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	118.253.635
	3.572.454.838	23.383.965.044

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.378	42.131.527
Lãi tài chính khác	260.050.242	-
	260.154.620	42.131.527

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	123.807.700	175.911.142
	123.807.700	175.911.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng	311.264.124	343.680.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	311.264.124	209.446.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	134.233.420
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.373.268.637	106.823.846
Chi phí nhân viên	115.289.000	172.593.137
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng	221.394.719	207.168.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	903.617.582	292.351.440
Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	67.191.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.272.265	169.136.873
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(801.616.903)
Chi phí quản lý bằng tiền khác	4.695.071	-
	1.684.532.761	450.503.928

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.265.667.088	-
Các khoản khác	503.895.075	-
	1.769.562.163	-

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã bù trừ tiền thu thanh lý	-	322.017.006
Các khoản chi phí phạt về Thuế	84.111.665	-
	84.111.665	322.017.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	123.509.333	3.638.397.670
Chi phí nhân công	115.289.000	297.729.137
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.885.386	333.939.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.214.881.706	1.127.913.388
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(801.616.903)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.967.336	413.361.403
	1.684.532.761	5.009.724.226

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>724.090.019</i>	<i>382.947.259</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	4.176.395
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>724.090.019</i>	<i>387.123.654</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	144.818.004	77.424.731
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>(510.436.660)</i>	<i>(29.417.961)</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	84.111.665	24.400.000
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>(426.324.995)</i>	<i>(5.017.961)</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Thanh tra Thuế	28.666.071	-
Thuế TNDN hiện hành của Công ty con	28.666.071	-
Thuế TNDN hiện hành hợp nhất	173.484.075	77.424.731

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	40.649.284	276.104.566
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	7.570.444	7.141.922
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	5	39

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	24.000.000	25.548.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
- Tạm ứng của ông Hoàng Anh Quyết	245.735.000	240.000.000

28.2 THÔNG TIN KHÁC

Công ty TNHH TTZ MEDIA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108457384 ngày 03/10/2018, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung. Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2019 Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục góp vốn vào Công ty TNHH TTZ MEDIA.

28.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã được soát xét.

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh

Lê Minh Diện

Hoàng Anh Quyết